

CHIẾN LƯỢC ỨNG PHÓ VỚI BẮT NẠT TRỰC TUYẾN Ở NẠN NHÂN TRONG SINH VIÊN ĐẠI HỌC HUẾ

Hoàng Thế Hải

Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng.

Hồ Thị Trúc Quỳnh

Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế.

TÓM TẮT

Nghiên cứu này nhằm mục đích tìm hiểu mức độ sử dụng các chiến lược ứng phó với bắt nạt trực tuyến của nạn nhân trong sinh viên Đại học Huế. Những người tham gia nghiên cứu này là 606 nạn nhân của bắt nạt trực tuyến được sàng lọc từ 859 sinh viên tham gia khảo sát. Nạn nhân của bắt nạt trực tuyến tham gia nghiên cứu sẽ phải hoàn thành một bảng hỏi liên quan đến thông tin cá nhân và tự báo cáo mức độ sử dụng các chiến lược ứng phó khi bị bắt nạt trực tuyến. Nghiên cứu sử dụng phân tích thống kê mô tả để tính điểm trung bình, độ lệch chuẩn cho các chiến lược ứng phó, kiểm định T-test, Anova test để so sánh sự khác biệt về mức độ sử dụng các chiến lược ứng phó giữa các nhóm nạn nhân theo giới tính, năm học và khu vực sinh sống. Kết quả nghiên cứu cho thấy rằng nạn nhân sử dụng nhiều chiến lược ứng phó khác nhau khi bị bắt nạt trực tuyến, trong đó các chiến lược ứng phó đối mặt (giải quyết vấn đề và tìm kiếm hỗ trợ xã hội) được sử dụng nhiều hơn chiến lược né tránh (khoảng cách nhận thức, nội hóa và ngoại hóa); có sự khác nhau về việc sử dụng chiến lược ứng phó theo giới tính, năm học và nơi sinh sống.

Từ khóa: Bắt nạt trực tuyến; Chiến lược ứng phó; Sinh viên; Đại học Huế.

Ngày nhận bài: 23/10/2023; Ngày duyệt đăng bài: 25/3/2024.

1. Đặt vấn đề

Công nghệ không còn mới hay xa lạ đối với sinh viên đại học mà nó đã là một phần trong cuộc sống và học tập hàng ngày của họ (Myers và Cowie, 2017). Công nghệ và internet mang lại những lợi ích to lớn nhưng chúng cũng gây ra những mối nguy hiểm đáng kể cho sinh viên đại học, bao gồm cả bắt nạt trực tuyến. Theo UNICEF, bắt nạt trực tuyến là việc bắt nạt trên các công cụ kỹ thuật số, có thể diễn ra trên phương tiện mạng xã hội, nền tảng nhắn tin, chơi game và điện thoại di động. Đó là hành vi lặp đi lặp lại, nhằm mục đích khiến những người bị bắt nạt sợ hãi, tức giận hoặc xấu hổ. Tỷ lệ trở thành nạn nhân của nạn bắt nạt trực tuyến ở sinh viên đại học trong các nghiên cứu trước dao động từ 24,1% (Faucher và cộng sự, 2014) đến 94,9% (Phizacklea và Sargisson, 2018).

Bắt nạt trực tuyến có tác động tiêu cực đến sức khỏe thể chất và tâm thần của giới trẻ (Vaillancourt và cộng sự, 2017).

Bắt nạt trực tuyến có thể gây ra những hậu quả nghiêm trọng do nạn nhân sử dụng các chiến lược ứng phó không hiệu quả (Chan và Wong, 2017). Theo Na và cộng sự (2015), chiến lược ứng phó với bắt nạt trực tuyến được xác định dựa trên cách mà nạn nhân đánh giá và quản lý trải nghiệm bắt nạt trực tuyến. Trong đó, chiến lược ứng phó đối mặt được coi là nỗ lực nhằm thay đổi tình huống bị bắt nạt trực tuyến và chiến lược ứng phó né tránh được coi là nỗ lực trốn tránh các tình huống bị bắt nạt trực tuyến. Nghiên cứu trước đây chỉ ra rằng, sinh viên đại học sử dụng các chiến lược giải quyết vấn đề, tìm kiếm hỗ trợ xã hội nhiều hơn các chiến lược khoảng cách nhận thức, nội hóa và ngoại hóa. Vì vậy, khi bị bắt nạt trực tuyến, sinh viên đại học sử dụng các chiến lược đối mặt nhiều hơn là các chiến lược né tránh (Na và cộng sự, 2015). Xét theo giới tính, các nghiên cứu trước đây cho biết nam giới thường sử dụng các chiến lược tập trung vào vấn đề (như chiến lược giải quyết vấn đề) nhiều hơn (Liang và cộng sự, 2009; Shek, 2005; Sittichai và Smith, 2018); trong khi nữ giới thường sử dụng chiến lược tìm kiếm sự hỗ trợ xã hội, chiến lược né tránh hoặc chiến lược tập trung vào cảm xúc nhiều hơn (Jóhannsdóttir và Ólafsson, 2004; Palus và cộng sự, 2012; Sittichai và Smith, 2018). Sự khác biệt này có thể là nam giới được kỳ vọng sẽ phát triển các kỹ năng hành động, lập kế hoạch, cạnh tranh và do đó, nam giới thường sử dụng chiến lược đối mặt hoặc chiến lược tập trung vào vấn đề nhiều hơn nữ giới (Liang và cộng sự, 2009). Nữ giới có xu hướng thể hiện cảm xúc bản thân nhiều hơn và tìm kiếm sự hỗ trợ tinh thần từ những người xung quanh nhiều hơn (Kendler và cộng sự, 2005); trong khi đó, mạng lưới hỗ trợ xã hội của nam giới bị hạn chế vì việc tìm kiếm sự hỗ trợ hoặc thảo luận về cảm xúc đi ngược lại kỳ vọng về vai trò của nam giới, hơn nữa xã hội kỳ vọng nam giới có sức mạnh và sự kiềm chế cảm xúc (Wester và cộng sự, 2007).

Về tính hiệu quả của các chiến lược ứng phó, các nghiên cứu trước đây đã chỉ ra rằng các chiến lược giải quyết vấn đề và tìm kiếm sự hỗ trợ từ xã hội được coi là hữu ích trong việc ngăn chặn bắt nạt trực tuyến. Tìm kiếm sự hỗ trợ từ xã hội được xem là giải pháp hữu ích cho nạn nhân và nó cũng góp phần không nhỏ vào việc xoa dịu những cảm xúc tiêu cực (Machackova và cộng sự, 2013). Ngược lại, các chiến lược né tránh có xu hướng kéo dài tình trạng bắt nạt trực tuyến và có liên quan đến việc suy giảm lòng tự trọng, gia tăng lo lắng và trầm cảm (Machackova và cộng sự, 2013; Na và cộng sự, 2015). Tuy nhiên, có nghiên cứu cho thấy một số chiến lược ứng phó né tránh như chiến lược phớt lờ được coi là hữu ích về mặt tinh thần và cũng giúp ngăn chặn bắt nạt trực tuyến bởi vì thiếu sự chú ý và phản hồi của nạn nhân, những kẻ bắt nạt trên mạng có thể từ bỏ ý định bắt nạt (Machackova và cộng sự, 2013). Tuy nhiên, mức độ bắt nạt nghiêm trọng và thời gian bắt nạt trực tuyến càng kéo dài thì chiến lược phớt lờ của nạn

nhân càng ít có giá trị, mặc dù nó có thể rất hiệu quả trong những trường hợp ít nghiêm trọng hơn (Tokunaga, 2010).

Ở Việt Nam, nghiên cứu về bắt nạt trực tuyến còn mới ở giai đoạn đầu. Một số nghiên cứu liên quan đến bắt nạt trực tuyến và chiến lược ứng phó đã được thực hiện ở học sinh trung học cơ sở (Nguyen và cộng sự, 2020) và học sinh trung học phổ thông (Chi và cộng sự, 2020; Cong và cộng sự, 2018; Le, 2020); tuy nhiên, rất ít nghiên cứu điều tra các chiến lược ứng phó với bắt nạt trực tuyến ở sinh viên đại học Việt Nam. Do đó, mục đích của nghiên cứu này là chỉ ra các chiến lược ứng phó được nạn nhân bắt nạt trực tuyến trong sinh viên Đại học Huế sử dụng. Nghiên cứu này trả lời câu hỏi nghiên cứu là nạn nhân bắt nạt trực tuyến trong sinh viên Đại học Huế thường sử dụng các chiến lược nào để ứng phó với bắt nạt trực tuyến? Có sự khác biệt về mức độ sử dụng các chiến lược ứng phó ở nạn nhân nam và nạn nhân nữ hay không?

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Mẫu nghiên cứu

Dữ liệu được thu thập vào năm 2019 thông qua phương pháp lấy mẫu thuận tiện. Những người tham gia là sinh viên Đại học Huế. Mẫu nghiên cứu bao gồm 606 nạn nhân của bắt nạt trực tuyến được sàng lọc trong tổng số 859 sinh viên tham gia khảo sát. Những người tham gia được coi là nạn nhân của bắt nạt trực tuyến nếu hành vi bị bắt nạt báo cáo đã xảy ra hơn một lần trở lên trong 30 ngày trước đó. Trong số 606 nạn nhân có 76,2% là sinh viên nữ và 23,8% sinh viên nam. Độ tuổi trung bình (M) của sinh viên là 21,03, độ lệch chuẩn (SD) là 0,90; 30,5% là sinh viên năm thứ nhất, 35,3% là sinh viên năm thứ 2 và 34,2% là sinh viên năm thứ 3; 71,8% sinh viên đến từ khu vực nông thôn, 28,2% sinh viên đến từ khu vực thành thị.

2.2. Công cụ nghiên cứu

Bảng hỏi bao gồm các thông tin nhân khẩu học và thang đo Chiến lược ứng phó. Thang đo Chiến lược ứng phó (Self-Report Coping Scale) của Kochenderfer-Ladd và Skinner (2002) đã được nhóm nghiên cứu thích nghi trên mẫu sinh viên Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế (Quynh và Gu, 2022). Phiên bản gốc của thang đo gồm 22 mệnh đề (item), sau khi thích nghi và chỉnh sửa cho phù hợp với tình huống ứng phó với bắt nạt trực tuyến, thang đo chỉ còn lại 21 item tương ứng với 5 chiến lược ứng phó: (1) ứng phó hướng đến giải quyết vấn đề gồm 5 item: là những nỗ lực nhằm thay đổi các tác nhân gây ra các cảm xúc tiêu cực bằng cách quyết tâm, kiên trì và trực tiếp hành động; (2) ứng phó bằng cách tìm kiếm hỗ trợ xã hội - 5 item: là những nỗ lực tìm đến sự giúp đỡ để giải quyết vấn đề bằng cách tìm kiếm lời khuyên và chia sẻ cảm xúc, tâm sự với những người thân hay bạn bè; (3) khoảng cách nhận thức - 4 item: liên quan đến những nỗ lực của cá nhân nhằm chạy trốn khỏi vấn đề bằng cách cố gắng không có bất cứ suy nghĩ hoặc hành động nào liên quan đến sự kiện căng thẳng; (4) ứng phó ngoại

hóa - 4 item: là những cố gắng đối diện với cảm xúc, không né tránh nó và giải tỏa các cảm giác căng thẳng, lo lắng ra bên ngoài bằng cách la hét hoặc đập phá đồ đạc và (5) ứng phó nội hóa - 3 item: đề cập đến việc cá nhân tự chỉ trích mình, dằn vặt, giày vò mình vì những gì đã xảy ra, đi kèm với cảm giác nuối tiếc, ân hận. Trong đó, các chiến lược giải quyết vấn đề và tìm kiếm hỗ trợ xã hội là những chiến lược ứng phó đối đầu và các chiến lược khoảng cách nhận thức, nội hóa và ngoại hóa là các chiến lược ứng phó né tránh. Mỗi item được đánh giá trên thang Likert 5 bậc từ không bao giờ (0 điểm) đến rất thường xuyên (4 điểm). Điểm trung bình của mỗi chiến lược ứng phó dao động từ 0 đến 4. Điểm trung bình càng cao cho biết chiến lược ứng phó tương ứng được sử dụng càng thường xuyên. Trong nghiên cứu này, độ tin cậy của các tiêu thang đo Chiến lược ứng phó như sau: giải quyết vấn đề $\alpha = 0,86$; tìm kiếm hỗ trợ xã hội $\alpha = 0,86$; khoảng cách nhận thức $\alpha = 0,78$; ngoại hóa $\alpha = 0,80$ và nội hóa $\alpha = 0,66$.

2.3. Phân tích số liệu

Nghiên cứu sử dụng phần mềm SPSS IBM 20.0. Với dữ liệu thu được, bài viết sử dụng phân tích thống kê mô tả như kiểm định độ tin cậy của thang đo và tiêu thang đo, điểm trung bình, so sánh sự khác biệt bằng các kiểm định Independent Samples T-Test và kiểm định One-Way Anova.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Chiến lược ứng phó của nạn nhân bắt nạt trực tuyến trong sinh viên Đại học Huế

Kết quả mức độ sử dụng các chiến lược ứng phó của nạn bắt nạt trực tuyến trong sinh viên Đại học Huế được hiển thị rõ ở bảng 1. Trong 5 cách ứng phó, nạn nhân sử dụng các chiến lược ứng phó đối mặt (giải quyết vấn đề, tìm kiếm hỗ trợ xã hội) nhiều hơn so với chiến lược ứng phó né tránh (khoảng cách nhận thức, ngoại hóa và nội hóa). Tuy nhiên, mức độ sử dụng các chiến lược ứng phó còn rất thấp, chẳng hạn chiến lược giải quyết vấn đề ($M = 1,50$; $SD = 0,88$); chiến lược tìm kiếm hỗ trợ xã hội ($M = 1,44$; $SD = 0,97$); chiến lược khoảng cách nhận thức ($M = 1,32$; $SD = 0,92$); chiến lược ngoại hóa ($M = 0,75$; $SD = 0,84$) và chiến lược nội hóa ($M = 1,29$; $SD = 0,96$) với $0 < M < 4$.

Bảng 1: Chiến lược ứng phó của nạn nhân bắt nạt trực tuyến trong sinh viên Đại học Huế

TT	Các chiến lược ứng phó	M	SD
Giải quyết vấn đề		1,50	0,88
1	Tôi cố gắng nghĩ nhiều cách khác nhau để giải quyết vấn đề	1,56	1,10
2	Tôi đã thay đổi một số thứ để sự việc có thể kết thúc	1,32	1,04
3	Tôi làm một cái gì đó để bù đắp lại cho vấn đề đã xảy ra	1,08	1,07

4	Tôi đã nghĩ trong đầu về những gì nên làm hoặc nên nói	2,00	1,19
5	Tôi làm gì đó để thay đổi tình trạng này	1,55	1,12
Tìm kiếm sự hỗ trợ xã hội		1,44	0,97
6	Tôi nói với một người bạn hoặc thành viên gia đình về những gì đã xảy ra	1,48	1,18
7	Tôi nói chuyện với người nào đó về cảm giác của mình	1,51	1,10
8	Tôi đã nhận được sự giúp đỡ từ một người bạn	1,51	1,12
9	Tôi hỏi lời khuyên của một thành viên trong gia đình.	1,31	1,26
10	Tôi đã nhận được sự giúp đỡ từ một thành viên trong gia đình	1,37	1,34
Khoảng cách nhận thức		1,32	0,92
11	Tôi đã tin rằng không có gì xảy ra	1,11	1,12
12	Tôi tự nhủ đó không phải là vấn đề nghiêm trọng	1,56	1,19
13	Tôi không nghĩ về nó	1,26	1,21
14	Tôi nói rằng tôi không quan tâm	1,35	1,19
Ngoại hóa		0,75	0,84
15	Tôi hét to lên để giải tỏa tâm trạng	0,84	1,17
16	Tôi nguyện rửa thành tiếng kẻ bắt nạt mình	0,71	1,03
17	Tôi nổi điên và ném hoặc đánh một cái gì đó	0,70	1,04
Nội hóa		1,29	0,96
18	Tôi lo lắng về việc mình bị bắt nạt trực tuyến	1,16	1,11
19	Tôi chỉ cảm thấy tiếc cho bản thân mình	0,97	1,14
20	Tôi lo lắng rằng những người khác sẽ nghĩ xấu về tôi	1,78	1,30
21	Tôi nổi điên với chính mình vì đã làm một việc mà tôi không nên làm	1,24	1,25

Ghi chú: M = điểm trung bình; SD = Độ lệch chuẩn.

Xem xét biểu hiện cụ thể ở các chiến lược ứng phó cho thấy, mức độ sử dụng các cách ứng phó khi bị bắt nạt trực tuyến của sinh viên không đồng đều nhau. Chẳng hạn, ở chiến lược ứng phó giải quyết vấn đề, các nỗ lực trong suy nghĩ chiếm ưu thế hơn các hành động cụ thể bên ngoài để giải quyết vấn đề. ở chiến lược tìm kiếm sự hỗ trợ xã hội: nói chuyện với ai đó hay nhận sự giúp đỡ từ bạn bè được sử dụng nhiều hơn là nhận lời khuyên hay nhận sự giúp đỡ từ một thành viên trong gia đình. Trong chiến lược ứng phó khoảng cách nhận thức: điều chỉnh lại nhận thức “không có gì nghiêm trọng” hoặc phớt lờ “giả vờ không

quan tâm” chiếm ưu thế hơn. Với chiến lược ứng phó ngoại hóa: la hét to được sử dụng nhiều hơn so với nguyên rủa kẻ bắt nạt mình và nổi điên ném đồ đạc. Với chiến lược ứng phó nội hóa: lo lắng, tự chỉ trích mình, dằn vặt, giày vò mình vì những gì đã xảy ra chiếm ưu thế hơn cảm giác tiếc cho bản thân.

3.2. Chiến lược ứng phó của nạn nhân bắt nạt trực tuyến trong sinh viên Đại học Huế theo các lát cắt

Khi xem xét mức độ sử dụng các chiến lược ứng phó của nạn nhân bắt nạt trực tuyến trong sinh viên Đại học Huế theo lát cắt giới tính, kết quả cho thấy, mức độ sử dụng chiến lược ứng phó giải quyết vấn đề ở nạn nhân nam và nạn nhân nữ có sự khác biệt đáng kể $t_{(604)} = 2,74$; $p < 0,01$. Trong đó, nạn nhân nam sử dụng chiến lược này nhiều hơn so với nạn nhân nữ ($M_{\text{nam}} = 1,68$ so với $M_{\text{nữ}} = 1,45$). Các chiến lược ứng phó tìm kiếm hỗ trợ xã hội ($M_{\text{nam}} = 1,44$ so với $M_{\text{nữ}} = 1,43$), khoảng cách nhận thức ($M_{\text{nam}} = 1,44$ so với $M_{\text{nữ}} = 1,28$), nội hóa ($M_{\text{nam}} = 1,32$ so với $M_{\text{nữ}} = 1,28$) và ngoại hóa ($M_{\text{nam}} = 0,72$ so với $M_{\text{nữ}} = 0,76$) không có sự khác biệt đáng kể giữa nạn nhân nam và nạn nhân nữ ($p > 0,05$).

Bảng 2: Chiến lược ứng phó của nạn nhân bắt nạt trực tuyến trong sinh viên Đại học Huế theo lát cắt giới tính

Các chiến lược ứng phó	Nam	Nữ	$t_{(604)}$
	M ± SD	M ± SD	
1. Giải quyết vấn đề	1,68 ± 0,83	1,45 ± 0,89	2,74**
2. Tìm kiếm sự hỗ trợ xã hội	1,44 ± 0,98	1,43 ± 0,96	0,02
3. Khoảng cách nhận thức	1,44 ± 1,10	1,28 ± 0,85	1,86
4. Ngoại hóa	0,72 ± 0,89	0,76 ± 0,82	-0,58
5. Nội hóa	1,32 ± 1,03	1,28 ± 0,93	0,45

Ghi chú: M = điểm trung bình; SD = Độ lệch chuẩn; **: $p < 0,01$.

Kết quả so sánh mức độ sử dụng các chiến lược ứng phó của nạn nhân bắt nạt trực tuyến trong sinh viên Đại học Huế theo lát cắt năm học được trình bày ở bảng 3. Có sự khác biệt đáng kể về điểm số ở chiến lược ứng phó tìm kiếm hỗ trợ xã hội giữa sinh viên các năm học ($F(2,603) = 4,18$; $p < 0,05$). Trong đó, sinh viên năm thứ nhất đạt điểm cao hơn đáng kể so với sinh viên năm thứ 2 và năm thứ 3; tương tự, cũng có sự khác biệt đáng kể về điểm số ở chiến lược ứng phó nội hóa ($F(2,603) = 3,65$; $p < 0,05$). Theo đó, sinh viên năm thứ nhất đạt điểm cao hơn đáng kể so với sinh viên năm thứ 2. Điều này cho thấy, khi bị bắt nạt trực tuyến, sinh viên năm thứ nhất có xu hướng thường sử dụng cả chiến lược ứng phó đối mặt lẫn chiến lược ứng phó né tránh nhiều hơn sinh viên năm thứ 2

và thứ 3. Không có sự khác biệt rõ rệt giữa sinh viên các năm học trong việc sử dụng các chiến lược ứng phó còn lại khi bị bắt nạt trực tuyến.

Bảng 3: Chiến lược ứng phó của nạn nhân bắt nạt trực tuyến trong sinh viên Đại học Huế theo lát cắt năm học

Các chiến lược ứng phó	Năm 1	Năm 2	Năm 3	$F_{(2,603)}$	Hậu kiểm
	$M \pm SD$	$M \pm SD$	$M \pm SD$		
1. Giải quyết vấn đề	1,61 ± 0,84	1,43 ± 0,87	1,49 ± 0,92	2,31	
2. Tìm kiếm sự hỗ trợ xã hội	1,60 ± 0,91	1,35 ± 0,96	1,37 ± 1,00	4,18*	Năm 1 > Năm 2, Năm 3
3. Khoảng cách nhận thức	1,30 ± 0,91	1,28 ± 0,89	1,38 ± 0,95	0,75	
4. Ngoại hóa	0,80 ± 0,86	0,70 ± 0,77	0,75 ± 0,87	0,68	
5. Nội hóa	1,44 ± 0,94	1,19 ± 0,90	1,25 ± 1,01	3,65*	Năm 1 > Năm 2

Ghi chú: M = điểm trung bình; SD = Độ lệch chuẩn; *: $p < 0,05$; Post hoc: phân tích sâu Anova.

Số liệu trong bảng 4 cho thấy, có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê trong việc sử dụng chiến lược ứng phó của nạn nhân bắt nạt trực tuyến trong sinh viên Đại học Huế theo biến số khu vực sinh sống, thể hiện chủ yếu ở chiến lược ứng phó giải quyết vấn đề ($t_{(604)} = -3,92$; $p < 0,001$). Trong đó, nạn nhân đến từ khu vực thành thị sử dụng chiến lược này nhiều hơn so với nạn nhân đến từ khu vực nông thôn ($M_{\text{thành thị}} = 1,73$ so với $M_{\text{nông thôn}} = 1,42$). Không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa hai nhóm sinh viên này khi sử dụng các chiến lược ứng phó còn lại.

Bảng 4: Chiến lược ứng phó của nạn nhân bắt nạt trực tuyến trong sinh viên Đại học Huế theo lát cắt khu vực sinh sống

Các chiến lược ứng phó	Nông thôn	Thành thị	$t_{(604)}$
	$M \pm SD$	$M \pm SD$	
1. Giải quyết vấn đề	1,42 ± 0,87	1,73 ± 0,89	-3,92***
2. Tìm kiếm sự hỗ trợ xã hội	1,39 ± 0,95	1,54 ± 0,99	-1,69
3. Khoảng cách nhận thức	1,31 ± 0,91	1,34 ± 0,94	-0,70
4. Ngoại hóa	0,72 ± 0,83	0,84 ± 0,85	-1,58
5. Nội hóa	1,24 ± 0,95	1,39 ± 0,97	-1,77

Ghi chú: M = điểm trung bình; SD = Độ lệch chuẩn; ***: $p < 0,001$.

4. Thảo luận

Phù hợp với phát hiện của các nghiên cứu trước đây (Machackova và cộng sự, 2013; Sittichai và Smith, 2018; Völlink và cộng sự, 2013), nghiên cứu này cũng phát hiện ra rằng nạn nhân bị bắt nạt trực tuyến trong sinh viên sử dụng nhiều chiến lược khác nhau để ứng phó với các tình huống bắt nạt trực tuyến. Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy chiến lược ứng phó đối mặt được sử dụng nhiều hơn chiến lược né tránh. Phát hiện này phù hợp với kết quả nghiên cứu của Machackova và cộng sự (2013), của Na và cộng sự (2015) về chiến lược ứng phó của nạn nhân bị bắt nạt trực tuyến, nhưng khác so với phát hiện của Sittichai và Smith (2018), Völlink và cộng sự (2013). Sở dĩ nạn nhân có xu hướng sử dụng các chiến lược ứng phó đối mặt nhiều hơn chiến lược ứng phó né tránh bởi vì so với chiến lược ứng phó né tránh, chiến lược ứng phó đối mặt giúp giảm tác động tiêu cực của bắt nạt trực tuyến (Na và cộng sự, 2015). Trong đó, một số cách thức khá tích cực của loại ứng phó giải quyết vấn đề như “nghĩ trong đầu về những gì nên làm hoặc nên nói” hay “cố gắng nghĩ nhiều cách khác nhau để giải quyết vấn đề” và loại ứng phó tìm kiếm sự trợ giúp xã hội như: “nói chuyện với người nào đó về cảm giác của mình”... được sinh viên thực hiện với tần suất tương đối nhiều. Các kết quả này cho thấy khả năng đối đầu, không né tránh khi bị bắt nạt trực tuyến của sinh viên Đại học Huế. Đây được xem là những cách ứng phó thường được coi là hiệu quả đối với bắt nạt trực tuyến cũng như bắt nạt trực tiếp (Smith và cộng sự, 2004; Machmutow và cộng sự, 2012).

Kết quả nghiên cứu này cũng cho thấy rằng các nạn nhân có điểm trung bình mức độ sử dụng các chiến lược né tránh như khoảng cách nhận thức và nội hóa gần bằng chiến lược đối mặt. Phát hiện này phù hợp với những phát hiện trước đó trên mẫu học sinh trung học phổ thông ở Việt Nam (Chi và cộng sự, 2020). Trong đó, một số biểu hiện khá tiêu cực của loại ứng phó nội hóa như “lo lắng rằng những người khác sẽ nghĩ xấu về tôi” hay “nổi điên với chính mình vì đã làm một việc mà tôi không nên làm”... thỉnh thoảng xuất hiện ở sinh viên. Các nghiên cứu trước đây đã chỉ ra rằng đối với nạn nhân bị bắt nạt trực tuyến là sinh viên, nếu thường xuyên sử dụng các chiến lược ứng phó né tránh (như nội hóa và ngoại hóa) thì có nhiều khả năng bị trầm cảm, lo âu và lòng tự trọng thấp hơn (Na và cộng sự, 2015). Theo Machackova và cộng sự (2013), mức độ nghiêm trọng của việc bị bắt nạt trực tuyến có thể khiến nạn nhân có nhiều khả năng sử dụng các chiến lược ứng phó né tránh hơn. Hơn nữa, một số chiến lược né tránh (như khoảng cách nhận thức) được cho là có ích về mặt cảm xúc và cũng giúp ngăn chặn những kẻ bắt nạt (Machackova và cộng sự, 2013). Trên thực tế, có thể do thiếu sự quan tâm và phản hồi, thủ phạm có thể nản lòng và ngừng bắt nạt trực tuyến. Tuy nhiên, tác hại càng nghiêm trọng và thời gian bắt nạt trực tuyến càng kéo dài thì các chiến lược khoảng cách nhận thức sẽ càng ít có giá trị đối với nạn nhân (Clark và cộng sự, 2003). Do đó, đây cũng được coi là

cách ứng phó kém hiệu quả, không được khuyến khích sử dụng khi đối mặt với bắt nạt trực tuyến.

Nghiên cứu này còn chỉ ra rằng nạn nhân nam sử dụng chiến lược ứng phó giải quyết vấn đề nhiều hơn đáng kể so với nạn nhân nữ. Kết quả này phù hợp với phát hiện trước đây (Liang và cộng sự, 2009; Shek, 2005; Sittichai và Smith, 2018). Shek (2005) nhận thấy rằng nam sinh có nhiều khả năng huy động nguồn lực cá nhân để giải quyết vấn đề hơn nữ sinh. Theo Liang và cộng sự (2009), nam giới được xã hội hóa để phát triển các kỹ năng hành động, lập kế hoạch và cạnh tranh và do đó nam giới có khả năng sử dụng các chiến lược ứng phó tích cực như chiến lược đối đầu hoặc chiến lược tập trung vào vấn đề hơn nữ giới. Kết quả kiểm định T-test trong nghiên cứu này cũng cho thấy không có sự khác biệt giữa nạn nhân nam và nạn nhân nữ về mức độ sử dụng các chiến lược tìm kiếm hỗ trợ xã hội, khoảng cách nhận thức, nội hóa và ngoại hóa. Phát hiện của chúng tôi không nhất quán với một số nghiên cứu trước đây. Cụ thể, một số nghiên cứu đã chỉ ra rằng nạn nhân nữ có nhiều khả năng sử dụng các chiến lược tìm kiếm hỗ trợ xã hội và các chiến lược né tránh hoặc chiến lược tập trung vào cảm xúc cao hơn nạn nhân nam (Jóhannsdóttir và Ólafsson, 2004; Palus và cộng sự, 2012; Sittichai và Smith, 2018). Không có sự khác biệt về giới tính trong các chiến lược ứng phó với bắt nạt trực tuyến có thể là do những thay đổi và tiến bộ trong xã hội. Những thay đổi và tiến bộ xã hội dẫn đến những thay đổi về địa vị và tầm quan trọng của mỗi giới, từ đó làm giảm đi sự khác biệt giữa nam và nữ về mức độ sử dụng các chiến lược ứng phó (Felsten, 1998).

Tuổi đời cũng là một nhân tố có tính dự báo đối với các cách ứng phó. Nghiên cứu này cũng cho thấy nạn nhân là sinh viên năm thứ nhất có xu hướng sử dụng chiến lược ứng phó tìm kiếm sự hỗ trợ xã hội và nội hóa nhiều hơn so với sinh viên năm thứ 2 và sinh viên năm thứ 3 khi bị bắt nạt trực tuyến. Điều này có thể do sinh viên năm nhất thường nhận được sự quan tâm của người thân hay bạn bè hơn sinh viên năm thứ 2 và 3. Các chiến lược ứng phó khác như giải quyết vấn đề, khoảng cách nhận thức và ngoại hóa được sinh viên các năm học sử dụng tương đối nhất quán khi bị bắt nạt trực tuyến. Sự tương đối nhất quán này có thể là do trong các nhóm có cùng độ tuổi (như trường hợp của nghiên cứu này), rất khó tìm thấy sự khác biệt trong việc sử dụng các chiến lược ứng phó.

Nghiên cứu cũng chỉ ra những nạn nhân sinh viên đến từ khu vực thành thị thường sử dụng chiến lược ứng phó giải quyết vấn đề nhiều hơn rõ rệt so với sinh viên đến từ khu vực nông thôn khi bị bắt nạt trực tuyến. Điều này ít nhiều cho thấy, sinh viên đến từ khu vực thành thị có được bản lĩnh ứng phó cao hơn sinh viên đến từ khu vực nông thôn. Các chiến lược ứng phó còn lại tương đối nhất quán giữa các nhóm sinh viên đến từ các khu vực sinh sống khác nhau khi bị bắt nạt trực tuyến. Sự nhất quán này có thể là do tuổi đời gần như ngang nhau, cùng sống trong một môi trường học tập, văn hóa - xã hội nên sinh viên có cách nhìn nhận vấn đề, tư duy và cách ứng xử với bắt nạt trực tuyến khá giống nhau.

5. Kết luận

Sinh viên Đại học Huế sử dụng nhiều chiến lược khác nhau để ứng phó với nạn bắt nạt trực tuyến. Cách thức họ thường sử dụng nhất là giải quyết vấn đề; thứ hai là tìm kiếm sự hỗ trợ xã hội; thứ ba là khoảng cách nhận thức; thứ tư là ngoại hóa và cuối cùng là nội hóa. Đồng thời, có một số khác biệt đáng kể theo giới tính, năm học và khu vực sinh sống của sinh viên trong sử dụng các chiến lược ứng phó. Trong đó, nam sinh sử dụng các cách ứng phó giải quyết vấn đề nhiều hơn nữ, sinh viên năm thứ nhất sử dụng chiến lược tìm kiếm sự hỗ trợ xã hội và nội hóa nhiều hơn sinh viên năm thứ 2 và thứ 3, sinh viên đến từ khu vực thành thị sử dụng chiến lược giải quyết vấn đề nhiều hơn sinh viên đến từ khu vực nông thôn; các chiến lược ứng phó còn lại tương đối nhất quán giữa các nhóm sinh viên.

Kết quả nghiên cứu này cho thấy, sinh viên Đại học Huế cần nhận thức rõ hơn về những nhược điểm của các chiến lược ứng phó kém hiệu quả và tìm kiếm sự giúp đỡ từ các cố vấn chuyên nghiệp càng sớm càng tốt để giúp họ đương đầu với đau khổ. Phát triển kỹ năng ứng phó khi xảy ra bắt nạt trực tuyến và cách quản lý các tình huống bắt nạt trực tuyến.

Tài liệu tham khảo

1. Chan, H. C. (Oliver), & Wong, D. S. W. (2017). Coping with cyberbullying victimization: An exploratory study of Chinese adolescents in Hong Kong. *International Journal of Law, Crime and Justice*, 50, 71-82.
2. Chi, P. T. L., Lan, V. T. H., Ngan, N. H., & Linh, N. T. (2020). Online time, experience of cyber bullying and practices to cope with it among high school students in Hanoi. *Health Psychology Open*, 7(1), 205510292093574. <https://doi.org/10.1177/2055102920935747>.
3. Clark, A. G., Glanowski, S., Nielsen, R., Thomas, P. D., Kejariwal, A., Todd, M. A., Tanenbaum, D. M., Civello, D., Lu, F., Murphy, B., Ferriera, S., Wang, G., Zheng, X., White, T. J., Sninsky, J. J., Adams, M. D., & Cargill, M. (2003). Inferring nonneutral evolution from human-chimp-mouse orthologous gene trios. *Science (New York, N.Y.)*, 302(5652), 1960-1963.
4. Cong, T. V., Ngoc, N. P. H., Weiss, B., Luot, N. V., & Dat, N. B. (2018). Definition and Characteristics of “Cyberbullying” among Vietnamese Students. *VNU Journal of Science: Education Research*, 34(4), 1-10.
5. Faucher, C., Jackson, M., & Cassidy, W. (2014). Cyberbullying among University Students: Gendered Experiences, Impacts, and Perspectives. *Education Research International*, 2014, 1-10. <https://doi.org/10.1155/2014/698545>.
6. Felsten, G. (1998). Gender and coping: Use of distinct strategies and associations with stress and depression. *Anxiety, Stress, & Coping*, 11(4), 289-309.

7. Jóhannsdóttir, H. L., & Ólafsson, R. F. (2004). Coping with bullying in the workplace: the effect of gender, age and type of bullying. *British Journal of Guidance & Counselling*, 32(3), 319-333.
8. Kendler, K. S., Myers, J., & Prescott, C. A. (2005). Sex Differences in the Relationship Between Social Support and Risk for Major Depression: A Longitudinal Study of Opposite-Sex Twin Pairs. *American Journal of Psychiatry*, 162(2), 250-256.
9. Kochenderfer-Ladd, B., & Skinner, K. (2002). Children's coping strategies: Moderators of the effects of peer victimization? *Developmental Psychology*, 38(2), 267-278.
10. Le, Q. T. (2020). A study of the core relationship between cyber-bullying and coping of high-school pupils in Vietnam. *International Journal of Innovation, Creativity and Change*, 11(3), 483-500.
11. Liang, C. T. H., Alvarez, A. N., Juang, L. P., & Liang, M. X. (2009). The role of coping in the relationship between perceived racism and racism-related stress for Asian Americans: Gender differences. *Asian American Journal of Psychology*, 5(1), 56-69.
12. Machackova, H., Cerna, A., Sevcikova, A., Dedkova, L., & Daneback, K. (2013). Effectiveness of coping strategies for victims of cyberbullying. *Cyberpsychology: Journal of Psychosocial Research on Cyberspace*, 7(3), 1-12.
13. Machmutow, K., Perren, S., Sticca, F., & Alsaker, F. D. (2012). Peer victimization and depressive symptoms: Can specific coping strategies buffer the negative impact of cybervictimization? *Emotional and Behavioral Difficulties*, 17, 403-420.
14. Myers, C. A., & Cowie, H. (2017). Bullying at University: The Social and Legal Contexts of Cyberbullying Among University Students. *Journal of Cross-Cultural Psychology*, 48(8), 1172-1182.
15. Na, H., Dancy, B. L., & Park, C. (2015). College Student Engaging in Cyberbullying Victimization: Cognitive Appraisals, Coping Strategies, and Psychological Adjustments. *Archives of Psychiatric Nursing*, 29(3), 155-161.
16. Nguyen, H. T. L., Nakamura, K., Seino, K., & Vo, V. T. (2020). Relationships among cyberbullying, parental attitudes, self-harm and suicidal behavior among adolescents: results from a school-based survey in Vietnam. *BMC Public Health*, 20(1), 476.
17. Palus, S. R., Fang, S. R. S., & Prawitz, A. D. (2012). Forward, together forward: Coping strategies of students following the 2008 mass shootings at Northern Illinois University. *Traumatology*, 18(4), 13-26.
18. Phizacklea, T., & Sargisson, R. (2018). The Cyberbullying Experiences Survey with New Zealand Psychology Students. *International Journal of Psychology & Behavior Analysis*, 4(2), 1-6.
19. Quynh, H. T. T., & Gu, C. (2022). Validity and reliability of Vietnamese version of cyberbullying coping styles scale for students. *Dalat University Journal of Science*, 12(1), 3-19.

20. Shek, D. T. L. (2005). A Longitudinal Study of Chinese Cultural Beliefs About Adversity, Psychological Well-Being, Delinquency And Substance Abuse in Chinese Adolescents With Economic Disadvantage. *Social Indicators Research*, 71(1-3), 385-409.
21. Sittichai, R., & Smith, P. K. (2018). Bullying and Cyberbullying in Thailand: Coping Strategies and Relation to Age, Gender, Religion and Victim Status. *Journal of New Approaches in Educational Research*, 7(1), 24-30.
22. Smith, P. K., Talamelli, L., Cowie, H., Naylor, P., & Chauhan, P. (2004). Profiles of non-victims, escaped victims, continuing victims and new victims of school bullying. *British Journal of Educational Psychology*, 74, 565-581.
23. Tokunaga, R. S. (2010). Following you home from school: A critical review and synthesis of research on cyberbullying victimization. *Computers in Human Behavior*, 26(3), 277-287.
24. Vaillancourt, T., Faris, R., & Mishna, F. (2017). Cyberbullying in Children and Youth: Implications for Health and Clinical Practice. *The Canadian Journal of Psychiatry*, 62(6), 368-373.
25. Völlink, T., Bolman, C. A. W., Eppingbroek, A., & Dehue, F. (2013). Emotion-Focused Coping Worsens Depressive Feelings and Health Complaints in Cyberbullied Children. *Journal of Criminology*, 2013(2), 1-10.
26. Wester, S. R., Christianson, H. F., Vogel, D. L., & Wei, M. (2007). Gender role conflict and psychological distress: The role of social support. *Psychology of Men & Masculinity*, 8(4), 215-224.